

Số: 11/2022/QĐ- PT

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thuý Mai.

Bà Lê Thị Bích Ngọc.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 29/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc đã căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất và tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu” giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị G, sinh năm 1964. Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 69, đường T, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1964. Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1959. Địa chỉ: 23-S9 khu đô thị H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Đình T1, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 69, đường T, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Ông Nguyễn Văn C. Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Bà Lê Thị P, sinh năm 1958. HKTT: Thôn D, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang cư trú: Thôn G, xã M, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tại đơn kháng cáo ngày đề ngày 16 tháng 7 năm 2022, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị L là ông Nguyễn Đức L1 không đồng ý việc đình chỉ vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 29/2022/QĐST-DS ngày

13 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ đề nghị hủy quyết định đình chỉ là: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm về thủ lý đơn khởi kiện không đủ điều kiện khởi kiện; không áp dụng án lệ trong tình huống pháp lý tương tự; thời hạn giải quyết vụ án dân sự và trình tự giải quyết khiếu nại.

XÉT THẤY:

1. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đức L1 trong thời hạn, đã nộp tạm ứng án phí theo đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

2. Về nội dung: Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 4 năm 2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Đặng Thị G khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Đình T1 và bà Lê Thị P vô hiệu và buộc bà Lê Thị L phải hoàn trả lại thửa đất có diện tích hơn 1000m² thuộc tờ bản đồ số 5, địa chỉ tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc cho vợ chồng bà.

3. Xét kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, Hội đồng phúc thẩm thấy rằng:

[3.1] Đối với kháng cáo do vi phạm về thủ lý đơn khởi kiện không đủ điều kiện khởi kiện: Ngày 07/10/2021, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án dân sự số: 76/2021/TLST-DS về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu” giữa nguyên đơn bà Đặng Thị G và bị đơn bà Lê Thị L.

Nội dung khởi kiện: Bà G đề nghị Tòa án nhân dân huyện C giải quyết:

- Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 1000m² thuộc tờ bản đồ số 05 (bản đồ 299) địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc tại Giấy biên nhận bán cây ngày 20/02/2001 giữa ông Nguyễn Đình T1 và bà Lê Thị P vô hiệu, không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu

- Buộc bà Lê Thị L phải hoàn trả lại toàn bộ thửa đất có diện tích 1000m² thuộc bản đồ số 05 (bản đồ 299 không có số thửa), nay là một phần của thửa đất số 167, tờ bản đồ số 23 (bản đồ VN2000), địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc cho vợ chồng bà G

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp có diện tích 1000m² thuộc bản đồ số 05; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc: Theo bà G, ông T1 trình bày là do vợ chồng ông bà khai hoang từ năm 1987. Đồng thời tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 23/3/2021 bị đơn bà Lê Thị L trình bày nguồn gốc thửa đất trên do bà P chị gái của bà mua lại thửa đất hoang của ông T1 chồng bà G. Do đó cả hai bên đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất là của ông T1 – chồng bà G khai hoang.

Căn cứ Giấy biên nhận bán cây ngày 20/02/2001 giữa ông Nguyễn Đình T1 (chồng bà G) và bà Lê Thị P, bà G và ông T1 đều thừa nhận chưa từng bán

đất cho bà L hay bà P, chữ ký trong Giấy bán cây ngày 20/02/2001 cũng không phải chữ ký của ông T1 – chồng bà G (Bút lục 40, 60). Việc bà G kiện đòi quyền sử dụng đất xuất phát từ giao dịch chuyển nhượng, bà đã xuất trình được giấy biên nhận bán cây nên mặc dù bà G không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất nhưng do có yêu cầu tuyên giao dịch vô hiệu nên căn cứ khoản 3, khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là có căn cứ.

[3.2] Đối với kháng cáo do vi phạm về việc không áp dụng án lệ trong tình huống pháp lý tương tự: Theo Án lệ số 38/2020/AL thì bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm 17/HNGĐ-PT ngày 24/9/2002 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên bà Phạm Thị H được quyền sở hữu '2 căn nhà, cụ Nguyễn Thị Đ được sở hữu nhà nên nội dung khởi kiện đòi nhà đã có bản án đang có hiệu lực xác định quyền sở hữu căn nhà là của cụ Đ với bà H. Tại bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số: 46/2006/HNGĐ-PT ngày 22/9/2006 giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn C và bị đơn chị Lê Thị L, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định tạm giao cho anh C sử dụng 547m² vỡ hoang, tạm giao cho chị L sử dụng diện tích đất vỡ hoang 547m². Như vậy bản án phúc thẩm đang có hiệu lực giữa anh C, chị L chỉ quyết định tạm thời giao cho anh C và chị L diện tích đất vỡ hoang, không phải là giao cho anh C, chị L được quyền sở hữu như nội dung án lệ số 38/2020/AL đã nêu. Tại phần xét thấy của bản án phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cũng nhận định “*Về đất vỡ hoang: Tòa án chia đôi và tạm giao. Nếu không thuộc quyền lợi vợ chồng, không phải tài sản chung. Nếu có tranh chấp là việc khác*”. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện C không có căn cứ để áp dụng án lệ số: 38/2020/AL là phù hợp.

[3.3] Đối với kháng cáo do vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án: Ngày 07/10/2021, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án.

Ngày 07/02/2022, Tòa án nhân dân huyện C gia hạn vụ án trong thời hạn hai tháng kể từ ngày 07/02/2022

Ngày 07/4/2022, Tòa án nhân dân huyện C tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm h khoản 1 Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án sơ thẩm không tổng đạt Quyết định tạm đình chỉ cho các đương sự là vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 214 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đến ngày 12/4/2022 (sau 5 ngày) Tòa án nhân dân huyện C ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự, do đó chưa làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

Căn cứ khoản 1 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án sơ thẩm đã thụ lý và giải quyết đúng thời hạn quy định.

[3.4] Đối với kháng cáo do vi phạm về trình tự giải quyết khiếu nại: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L1 có đơn khiếu nại đến Chánh án Tòa án nhân dân huyện C. Sau đó Tòa án nhân dân huyện C ban hành Công văn số 258/CV-TA ngày 19/5/2022 về việc trả lời đơn của ông L1. Ông L1 cho rằng việc khiếu nại của ông phải được giải quyết bằng Quyết định giải quyết khiếu nại theo khoản 1 Điều 504 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 08/6/2022, Chánh án Tòa án nhân dân huyện C ban hành Công văn số 298/CV-TA không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông. Sau đó ông khiếu nại lần 2 đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và đang được giải quyết. Do đó đây là thủ tục khiếu nại riêng biệt được quy định tại Chương khiếu nại, tố cáo trong tố tụng dân sự, các khiếu nại của ông sẽ được giải quyết theo trình tự, thủ tục mà chương này quy định.

[4] Đối với việc rút đơn của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị G, Hội đồng phúc thẩm thấy rằng:

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Việc rút đơn là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào đơn xin rút yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn để ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự là đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức L1.

Về án phí: Người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 29/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Ông Nguyễn Đức L1 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003903 ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà